

THỦ ĐỀ NGHI MỘT MÔ HÌNH GIÁO DỤC KINH TẾ

Ảnh : Trần Văn Hòa

TRẦN TRUNG PHƯƠNG



Không phát triển giáo dục thì cũng không thể phát triển kinh tế, và giáo dục chính là một trong những động lực quan trọng nhất của quá trình phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia. Đó là điều mà tất cả các chuyên gia về phát triển kinh tế đều thừa nhận và cũng đã được chứng minh qua thực tiễn kinh tế ở các nước. Thế nhưng, từ sự nhận thức "nguyên lý phổ quát" đó đến sự vận dụng vào thực tiễn để xây dựng một hệ thống giáo dục hữu hiệu, có khả năng đáp ứng được nhu cầu phát triển trong hiện tại và tương lai là cả một quá trình lâu dài và không đơn giản. Thế nào là một nền giáo dục thích ứng và phát triển? Đó là một mô hình giáo dục tối ưu nhất cho sự phát triển kinh tế? Với một ngân sách giáo dục còn khiêm tốn, làm thế nào để đầu tư cho giáo dục có hiệu quả nhất? Sự vận dụng bấy nhiêu giáo dục như thế nào trong thực tế?

Đó là những vấn đề lớn đòi hỏi sự khảo sát, nghiên cứu công phu. Bài viết nhỏ này xin chỉ đề cập đến một khía cạnh của nền giáo dục nói chung: giáo dục kinh tế, một nội dung rất quan trọng nhưng vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Một pháp thảo đầu tiên về một mô hình giáo dục kinh tế căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam cũng được đưa ra, với hy vọng sẽ nhận được nhiều ý kiến đóng góp, hầu làm cho "mô hình" ngày càng trở nên hoàn thiện hơn.

THỰC CHẤT CỦA GIÁO DỤC KINH TẾ

Bài toán về tài nguyên con người luôn luôn đặt

cho chúng ta một câu hỏi: phải bồi dưỡng, huấn luyện đào tạo và sử dụng yếu tố đặc biệt này như thế nào để đạt được hiệu quả cao nhất không chỉ cho sự phát triển kinh tế - xã hội mà còn cho chính sự phát triển của từng cá nhân con người? Sự lãng phí về nguồn nhân lực này (lãng phí cả về lao động lẫn chất xám) đang còn xảy ra rất phổ biến dưới nhiều hình thức khác nhau và càng làm cho vấn đề trở nên bức xúc hơn bao giờ hết. Cái giá phải trả cho sự lãng phí này, theo các tính toán cụ thể, không phải là nhỏ.

Giáo dục, hiểu theo nghĩa rộng nhất, chính là quá trình tạo thêm các giá trị mới cho "yếu tố con người", ngoài giá trị tự nhiên vốn có. Những giá trị mới này bao gồm nhiều lãnh vực khác nhau: tri thức, đạo đức, kỹ năng, thẩm mỹ, sức khỏe và tất cả đều làm cho "con người" trở nên NGƯỜI hơn, "có giá" hơn. Nếu hiểu theo quan điểm đó thì giáo dục kinh tế cũng là một quá trình xác lập và tạo thêm các giá trị kinh tế cho yếu tố con người. Các giá trị

kinh tế được đề cập ở đây bao gồm một phạm trù rất rộng: kiến thức kinh tế học, tri thức về thực tiễn kinh doanh, khả năng tạo lập, quản lý doanh nghiệp và điều quan trọng hơn chính là một thái độ ý thức hướng về phát triển. Ở đây không nên đồng nhất đối tượng và mục tiêu của giáo dục kinh tế với một khái niệm trừu tượng có tính chất lý thuyết mà các nhà kinh tế học gọi là "con người kinh tế" (*homo oeconomicus*) bởi vì trong thực tế không phải lúc nào cá nhân cũng hành động theo động cơ kinh tế đơn thuần mà không có sự can thiệp, ít hay nhiều, của các yếu tố phi kinh tế khác: tâm lý, xã hội, chính trị...

Như vậy, về thực chất mà nói, giáo dục kinh tế, hiểu theo nghĩa rộng nhất, không chỉ đơn thuần là giảng dạy và cung cấp một số kiến thức về kinh tế hoặc nghề nghiệp mà còn có nghĩa là hình thành ở các cá nhân, và nói rộng hơn là ở cả xã hội, một tư duy và ý thức kinh tế, một thứ động lực tinh thần có khả năng thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phát triển

kinh tế - xã hội. Chúng ta thường thấy, ở những nước mà hoạt động kinh tế đã trở thành một thứ "bản năng thứ hai", trình độ phát triển kinh tế thường đạt ở một mức rất cao. Trong hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, mục tiêu của giáo dục kinh tế cũ không nằm ngoài mục tiêu phát triển chung của nước.

MỘT MÔ HÌNH GIÁO DỤC KINH TẾ

A. Một mô hình giáo dục kinh tế phải hội đủ các đặc trưng - phẩm chất như sau:

1. Phù hợp với sự phát triển tâm lý và lứa tuổi

Trong thời đại bùng nổ thông tin kinh tế - kỹ thuật, thời đại của các kỹ thuật gia như hiện nay, ở nhiều nước đã bắt đầu chú ý đến việc giúp cho trẻ em làm quen với các vấn đề kinh tế thường thức ngay từ khi còn đang ở lứa tuổi "ăn chưa no lo cho tomorrow". Tất nhiên, sự giáo dục kinh tế này phải được thực hiện thông qua các hoạt động giải trí, vui chơi hoặc bằng các phương tiện trực quan sinh động (chẳng hạn như bằng truyền tranh, phim hoạt hình...). Riêng ở nước ta, tất nhiên không thể thiết phải đưa hẳn một môn riêng về kinh tế vào bậc tiểu học, nhưng các em vẫn có thể có một số hiểu biết nhất định và thói quen thường về kinh tế thông qua các bộ môn khác: văn, toán... Bài học kinh tế đầu tiên mà các em cần phải biết, đó là, Việt Nam hiện nay vẫn còn là nước trong số các nước nghèo nhất thế giới và các em cần phải làm gì để đưa nước ta thoát ra khỏi cảnh nghèo lạc hậu nói trên. Khi nhận ra các em bằng những hình ảnh "rừng vàng biển bạc" mà cần phải tạo đi kiện cho các em nỗ lực thắng vào thực tế của nước, không phải để quan mà để tự nuôi dưỡng cho bản thân mình một "chí phát triển" thật mà liệt sậu này.

Ở cấp trung học, bên cạnh hệ giáo dục chuyên nghiệp, nên đưa bộ môn

inh tế học đại cương” (uộc loại sơ giảng) thành 1 môn học chính thức ở trung học phổ thông (có thể dạy ở lớp 11 hoặc 12). Nếu cần, khi phân ở cấp 3, nên xây dựng thành ban kinh tế, n cạnh các ban có tính ất truyền thống. Phải t sức chú ý những đặc mng biến đổi trong tâm lý a các em khi chuyển từ c tiểu học lên bậc trung c để có phương pháp và i dung giảng dạy thích p.

2. Phù hợp với hoàn nh thực tế ở VN: Mô hình ạo dục kinh tế này không ể bắt chước nguyên xi ố hình của các nước khác à phải xuất phát từ ững đặc điểm kinh tế - ội của đất nước, từ ững nhu cầu thực tiễn ước mắt cũng như lâu dài ải quyết nạn thất iệp, đổi mới công nghệ, o vệ môi trường, phát iển các doanh nghiệp, o vệ và nâng cao phúc lợi a người lao động, nâng o mức sống và chất lượng ộc sống...

3. Dự báo phát triển ong tương lai: Mô hình này ỉng phải có khả năng dự o trước sự phát triển ong tương lai để luôn ôn có những hiệu chỉnh n thiết, tránh tình trạng ộng, sản phẩm được o tạo ra không phù ợp i môi trường thực tiễn.

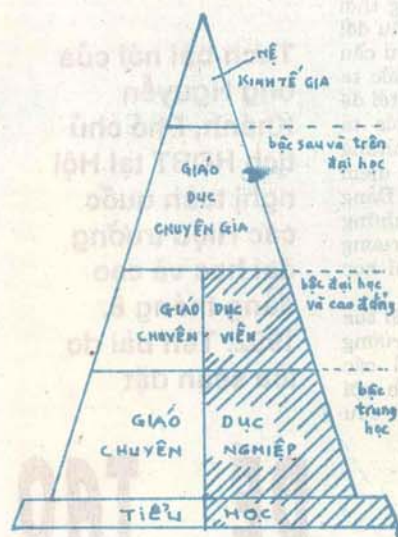
4. Tính liên tục: Mô nh giáo dục kinh tế được y dựng phải là một m ơnh có tính toàn diện, liên ic, bao gồm luôn từ cấp ếu học đến cấp trên đại ọc. Sự liên tục ở đây ồng chỉ về mặt thời gian à còn có ý nghĩa cả về ặt tâm lý, tri thức.

B. Mô hình giáo dục nh tế có thể được diễn tả ằng một khối kim tự tháp 4 tầng như sau. Cả 4 ầng này đều được xây ựng trên một cái nền tiểu ọc được coi như một trìn ộ học vấn tối thiểu mà ất cứ cá nhân nào cũng ải được trang bị (tự uyện hoặc có tính cưỡng ách).

1. Tầng 1: giáo dục uyên nghiệp

Trong mô hình giáo

dục kinh tế nói chung, nền giáo dục chuyên nghiệp chiếm một vị trí căn bản nhất và có nhiều khả năng nhất trong vấn đề giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, đồng thời cung cấp cho xã hội một



□ Khu vực giáo dục nhà nước

▨ Khu vực giáo dục tư nhân

lực lượng công nhân lành nghề sẵn sàng hoạt động ở mọi lãnh vực khác nhau của đời sống kinh tế. Bên cạnh đó, ở hệ giáo dục phổ thông (bậc trung học) cũng nên chú ý vấn đề phân ban để tuyển lựa các học sinh có năng khiếu hoặc khuynh hướng nghề nghiệp và dù ở hệ nào cũng nên giảng dạy một số kiến thức căn bản về kinh tế học.

2. Tầng 2: giáo dục chuyên viên

Trong lãnh vực kinh tế, nền giáo dục chuyên viên được xây dựng theo một học trình 4 hoặc 5 năm và tương ứng với bậc đại học. Các chuyên viên kinh tế này, hay gọi cách khác là các “kỹ sư kinh tế”, sau 4 năm học sẽ nhận được văn bằng cử nhân kinh tế. Qui trình đào tạo ở đây theo hai giai đoạn: đại cương (2 năm) và chuyên môn (2 năm) theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vấn đề quan trọng đặt ra ở hệ giáo dục này là phải nhanh chóng đổi mới, bổ sung, cập nhật hóa và chuẩn hóa các kiến

thức khoa học kinh tế, góp phần phục vụ cho sự nghiệp đổi mới của đất nước. Đồng thời, cần chú ý đúng mức vấn đề phân loại chuyên viên kinh tế sao cho thỏa mãn được cả hai nhu cầu chuyên môn hóa và đa năng hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường ngày nay.

3. Tầng 3: giáo dục chuyên gia

Nền giáo dục chuyên gia này tương ứng với bậc sau và trên đại học, với bằng tốt nghiệp có tên gọi là thạc sĩ, phó tiến sĩ và tiến sĩ kinh tế học. Sự khác biệt giữa nền giáo dục chuyên viên và nền giáo dục chuyên gia là ở chỗ: nếu chuyên viên kinh tế là những người chủ yếu hoạt động trên lãnh vực thực tiễn (thuộc phạm trù kinh tế học ứng dụng) thì chuyên gia kinh tế, ngoài khả năng đó, còn có thể hoạt động cả trên lãnh vực lý thuyết, lý luận và trong một chừng mực nhất định, còn có khả năng truyền đạt, giảng dạy các bộ môn của khoa học kinh tế. Tất nhiên, khả năng nghiên cứu khoa học của chuyên gia phải được đặt ở hàng đầu. Ngoài các nền kiến thức chung, chuyên gia kinh tế còn phải thật sự am hiểu về từng lãnh vực chuyên môn hẹp mà mình phụ trách: tài chính, ngân hàng, dân số, môi trường, tài nguyên, quản trị kinh doanh, tiếp thị, kinh trắc học, lịch sử kinh tế, kinh tế khu vực, kinh tế quốc tế, kinh tế ngành...

4. Tầng 4: kinh tế gia

Sự khác biệt chủ yếu giữa tầng “kinh tế gia” với các tầng khác trong mô hình giáo dục kinh tế không những chỉ ở khía cạnh số lượng (rất ít, so với các tầng khác, theo đúng qui luật giáo dục: càng lên cao càng ít đi) mà chủ yếu

còn ở khía cạnh chất lượng: kinh tế gia là người vừa có trình độ uyên bác về các khoa học kinh tế lại vừa có những đóng góp, sáng tạo cho sự phong phú, phát triển của chính bản thân khoa học kinh tế (nếu hiểu theo tiêu chuẩn này thì những tác giả đoạt giải Nobel kinh tế đều có thể được xem là các kinh tế gia). Đó cũng là những người có khả năng tác động đến thực tế qua hệ thống lý luận có tính chất sáng tạo của họ (1). Trong khi chuyên gia kinh tế chỉ am hiểu từng lãnh vực chuyên môn riêng rẽ và chủ yếu thường sử dụng các công cụ phân tích kinh tế thì kinh tế gia lại là người có khả năng tổng hợp và có tinh thần hệ thống bao quát. Lịch sử các học thuyết kinh tế đã cho thấy chính những kinh tế gia lỗi lạc thuộc vào loại “kinh điển” như Thomas Mun, A. Smith, D. Ricardo, K. Marx, F. List, A. Marshall, J.M. Keynes, W.C. Mitchell... đã là những người cắm những cột mốc quan trọng trong lịch sử tư tưởng kinh tế học. Những công trình nghiên cứu khoa học cùng những luận điểm của họ đã có tác động hết sức lớn lao đến bước đi của lịch sử loài người.

Ở Việt Nam, ngay từ bây giờ, cũng nên đặt vấn đề tạo ra các điều kiện cần thiết để trong một tương lai không xa lắm có thể hình thành một thế hệ các kinh tế gia Việt Nam. Một trong những điều kiện đó là phải khuyến khích các tranh luận khoa học, khuyến khích sự hình thành các trường phái kinh tế học khác nhau, thúc đẩy mạnh mẽ khả năng sáng tạo khoa học của các nhà kinh tế.

Mô hình kim tự tháp nói trên có thể được minh họa bằng một hình thức như sau (xem hình vẽ). Mô hình này cũng thể hiện được nhiều hình thức đào tạo khác nhau, kết hợp các hệ đào tạo chính quy, không chính qui, tập trung, hàm thụ, giáo dục từ xa, kết hợp các hệ đào tạo chính thức của nhà nước

với các hệ đào tạo của tư nhân (chỉ riêng ở hệ giáo dục chuyên nghiệp và hệ giáo dục chuyên viên). Ở đây không nên hạn chế, trái lại, cần khuyến khích các hệ đào tạo mở rộng nhằm không ngừng nâng cao dân trí và đáp ứng một nhu cầu có thực của xã hội. Sự bung ra của các hình thức đào tạo này trong thời gian vừa qua, tất nhiên có những lệch lạc cần phải điều chỉnh, nhưng không vì thế mà "phong tỏa" các hình thức đào tạo đang có nhiều triển vọng phát triển này. Thực tiễn bao giờ cũng có sức mạnh và giá trị riêng của nó mà các chỉ thị, quyết định có tính chất mệnh lệnh phải hết sức dè dặt, thận trọng, nếu không muốn làm "tổn thương" đến thực tiễn này.

Ngoài ra, trong mô hình này cũng nên dành một vị trí thích đáng cho bộ môn "Sư phạm kinh tế" (hoặc "Phương pháp luận dạy học kinh tế") bên cạnh các bộ môn khác của khoa học kinh tế. Sự bùng nổ của "thị trường kinh tế học" tất yếu phải đặt vấn đề: phải dạy và học kinh tế như thế nào để đạt hiệu quả cao nhất về mặt giáo dục cũng như về thực tiễn? Có kiến thức chuyên môn hoàn toàn không có nghĩa là cũng có khả năng giảng dạy. Giảng dạy kinh tế cũng là một nghề riêng, đòi hỏi phải được huấn luyện tay nghề thì việc giảng dạy mới có kết quả tốt được.

Tất nhiên, mô hình nói trên chỉ mới là một phác thảo tổng quát ban đầu, còn rất nhiều thiếu sót. Đúng ở cấp độ quản lý giáo dục vĩ mô, không thể không đặt ra vấn đề xây dựng mô hình giáo dục kinh tế để từ đó vạch ra được phương pháp và nội dung đào tạo thích hợp. ❀

(1) Xem: "Cần sớm hình thành một thể hệ các kinh tế gia Việt Nam" *Phát triển Kinh tế*, số 20, tháng 6.92, trang 14.

....Chúng ta cần phải đánh giá, nhận định xem nền đại học nước ta đang ở trình độ nào - cả về số lượng và chất lượng, so với các nước đang phát triển ở châu Á và Đông Nam Á. Nước ta là một thành viên của Tổ chức giáo dục các nước Đông Nam Á (SEAMEO), ta cần phải so sánh với các nước trong tổ chức này, xem nền giáo dục của ta có gì mạnh hơn họ và còn yếu kém ở những điểm nào. Đồng thời phải căn cứ vào yêu cầu đổi mới kinh tế-xã hội, yêu cầu phát triển của đất nước ta trong 10 - 15 năm sắp tới để xem nền đại học nước ta phải khắc phục những khuyết điểm và nhược điểm gì để từ đó thấy được Đảng và Nhà nước ta cần những chính sách và chủ trương phát triển giáo dục đại học như thế nào.

Nhược điểm lớn nhất của đại học nước ta là: các trường đại học (bao gồm cả các trường cao đẳng) tách rời với các cơ quan nghiên cứu khoa học. Sự tách rời này làm cho những người làm khoa học ít được tham gia giảng dạy đại học và các cán bộ giảng dạy cũng bị hạn chế trong việc tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH), sinh viên cũng ít được tiếp nhận trực tiếp những tri thức từ những nhà khoa học giỏi. Chính sự tách rời này làm cho trường đại học chưa thực sự là trung tâm đào tạo và NCKH.

Các trường đại học chưa được đầu tư về cơ sở vật chất-kỹ thuật tương xứng với các chức năng nhiệm vụ được giao. Tôi đồng ý với ý kiến của đồng chí Bộ trưởng là nếu chiếu theo tiêu chuẩn về trang bị kỹ thuật và cơ sở vật chất của một trường đại học thì đại bộ phận các trường của ta không đạt tiêu chuẩn. Hiện trạng này có nguyên nhân là sự tách rời giữa trường đại học với viện NCKH. Nhà nước đầu tư cho NCKH chưa được nhiều, nhưng số vốn đầu tư cũng khá lớn. Nếu ta khắc phục được sự tách rời giữa trường đại học với viện NCKH thì đầu tư sẽ không bị phân tán, dần dần cho quá nhiều trường, nhiều viện, mức đầu tư cho trường đại học cả về đào tạo và về NCKH sẽ tăng lên đáng kể.

Nhược điểm thứ hai là: mạng lưới các trường đại học và cao đẳng của chúng ta quá bất hợp lý từ nhiều năm nay. Quy mô của mỗi trường quá nhỏ, đại bộ phận là các

trường đơn ngành. Việc bố trí xây dựng của các trường đại học và cao đẳng chỉ ảnh hưởng nặng của các hệ thống hành chính, tổ chức và hoạt động trường học Bộ, theo tỉnh, thành. Sự ngăn cách, bị lập giữa các trường cản trở rất lớn việc phát huy tiềm lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy, hạn chế việc phát huy năng lực của cơ sở vật chất hiện có của trường, gây khó khăn cho sự lưu thông, liên kết giữa các trường.

Từ nhiều năm nay Nhà nước đã đề ra nhiệm vụ sắp xếp lại hệ thống mạng lưới các trường đại học và cao đẳng. Năm 1988 Hội đồng Bộ trưởng đã có quyết định 73, năm 1991 là có quyết định 255 về việc này. Việc sắp xếp lại hệ thống mạng lưới các trường đại học, cao đẳng ai cũng đồng ý, ai cũng thấy cần phải làm. Tại một số hội nghị của ngành giáo dục có một số đồng chí đề nghị việc sắp xếp lại các trường

là một cuộc cách mạng, phải làm nhanh, làm triệt để. Nhưng rõ ràng là cho đến hôm nay việc đó chưa làm được bao nhiêu, hệ thống mạng lưới vẫn chưa có gì thay đổi so với 3 năm trước. Đây là một khuyết điểm của ngành giáo dục đào tạo, cũng là một khuyết điểm của Hội đồng Bộ trưởng.

Trên đây là một nhược điểm lớn, có thể nói là 2 khuyết điểm của nền giáo dục đại học Việt Nam. Với 2 khuyết điểm này, chất lượng đào tạo thấp của trường là tất yếu.

Chúng ta phải khắc phục cho được khuyết điểm này thì mới tạo được bước chuyển cho nền đại học Việt Nam.

Phát triển giáo dục đại học cũng như phát triển giáo dục và đào tạo nói chung chính là tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nước nhà. Đại hội VII của Đảng đã xác định: "Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, để phát huy nhân tài con người - động lực trực tiếp của sự phát triển". Quan điểm này là sự đúc kết từ thực tiễn và từ yêu cầu phát triển của đất nước ta. Chúng ta ngày càng nhận thức sâu sắc rằng: không thể đưa đất nước vượt qua đói nghèo, tiến nhanh tiến kịp thời đại với nền dân trí thấp và nguồn nhân lực kém cỏi về trình độ khoa học, kỹ thuật công nghệ. ❀

Trích bài nói của ông Nguyễn Khánh, Phó chủ tịch HĐBT tại Hội nghị toàn quốc các Hiệu trưởng đại học và cao đẳng tháng 8. 1992. Tên bài do tòa soạn đặt

ĐỀ TẠO BƯỚC CHUYỂN CHO NỀN ĐẠI HỌC VIỆT NAM